

Bản án số: **103/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/10/2019.

V/v: “*Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà: Trần Thị Lệ.
- Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 144/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 219B, tổ 4, ấp Trung Thành, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 219B, tổ 4, ấp Trung Thành, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Thanh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/4/2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Vợ chồng không còn quan tâm,

chăm sóc lẫn nhau, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân. Nay bà T xin ly hôn ông T với lý do: Ông T thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, chơi bời, khi say thường hay chửi bới và miệt thị vợ bằng những lời lẽ thô tục. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông T quá trình chung sống có 03 con chung tên Huỳnh Thanh K, sinh ngày 23/7/1996; Huỳnh Thị Tiên N, sinh ngày 23/10/2000 và Huỳnh Thị Phương L, sinh ngày 26/12/2004. Hiện nay, Huỳnh Thanh K và Huỳnh Thị Tiên N đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn Huỳnh Thị Phương L đang sống cùng với bà T, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và xác định đủ điều kiện tự nuôi con, nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Huỳnh Thanh T. Nguyên vọng được nuôi con chung là Huỳnh Thị Phương L, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Huỳnh Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Huỳnh Thanh T có nơi đăng ký thường trú tại địa chỉ số 219B, tổ 4, ấp Trung Thành, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Huỳnh Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử nhưng vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông T là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Thanh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/4/2007, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện xin được ly hôn ông T

với lý do: Thời gian chung sống ông T thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, chơi bời, khi say thường hay chửi bới và miệt thị vợ bằng những lời lẽ thô tục. Bà T và ông T đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên cũng đã sống ly thân.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do bà T cung cấp. Xét thấy thuận vợ chồng giữa bà T và ông T đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

[4] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị T xác định giữa bà và ông T có 03 người con chung tên Huỳnh Thanh K, sinh ngày 23/7/1996 (đã thành niên); Huỳnh Thị Tiên N, sinh ngày 23/10/2000 (đã thành niên) và Huỳnh Thị Phương L, sinh ngày 26/12/2004, hiện nay đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Thị Phương L. Xét con chung đang sống cùng với bà T nên cần thiết giao cho bà Tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Thị Phương L. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị T.

Ông Huỳnh Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện các quyền này.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện này.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T xác định không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Huỳnh Thanh T cũng không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001623 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Phương L, sinh ngày 26/12/2004 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Huỳnh Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Nếu sau này, trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, bà T gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện các quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết hiện nay không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu ông Huỳnh Thanh T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004742 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/10/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh